

Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Cung Thị Mỹ S**, sinh năm: 1994; Căn cước công dân số: 046194002340; Địa chỉ thường trú: **B H, phường P, thành phố H**; Chỗ ở hiện nay: **A Đ, phường P, thành phố H**.

- Bị đơn: Anh **Trần Đại Q**, sinh năm: 1984; Căn cước công dân số: 046084007124; Địa chỉ: **B H, phường P, thành phố H**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Cung Thị Mỹ S** và anh **Trần Đại Q**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị **S** và anh **Q** xác nhận có 03 người con chung là: **Trần Nhật M**, sinh ngày 11/3/2020; **Trần Bảo N**, sinh ngày 22/7/2021 và **Trần Ngọc Q1**, sinh ngày 20/12/2024.

Các đương sự thoả thuận: Giao các cháu **Trần Nhật M**, **Trần Ngọc Q1** cho chị **Cung Thị Mỹ S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Trần Bảo N** cho anh **Trần Đại Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục kể từ khi quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Các đương sự thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận chị **Cung Thị Mỹ S** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số: 0003354 ngày 08/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế. Hoàn trả cho chị **S** số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 2 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 2 - Huế;
- UBND p.Phú Xuân, tp Huế.
- Lưu hồ sơ; HCTP.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như Thuần